

E-01. CÁCH ĐIỆN ĐỠ THANH CÁI 24kV-35kV, ID (EPOXY)
BUS BAR SUPPORTING INSULATOR 24kV-35kV, INDOOR (EPOXY)



E-02. CÁCH ĐIỆN ĐỨNG 24kV-35kV, OD (POLYMER)
PIN/LINE POST INSULATOR 24kV-35kV, PRIMARY VOLTAGE 24kV-35kV, OUTDOOR (POLYMER)

E-03. CÁCH ĐIỆN ĐỠ TĂNG CƯỜNG 24kV, OD (POLYMER)
SUPPORTING INSULATOR 24kV, OUTDOOR (POLYMER)



Loại không kẹp
Without clamp equipped



Loại có kẹp
With clamp equipped



Sứ đỡ tăng cường
Supporting post



Cách điện Epoxy
Epoxy insulator

STT (NO.)	MÔ TẢ (DESCRIPTION)	ĐƠN VỊ (UNIT)	LOẠI (TYPE)				
			PPI - 24	PPI - 35	PI - 24	PI - 35	SDFCO
1	Ứng dụng (Applicable)		Đỡ dây dẫn trên trụ / Đả (Support cable on pole / Brace)		Đỡ thanh cái trong trạm / tủ (Support bus bar in substation and distribution cabinet)		Tăng cường đường rò cho FCO, LBFCO, LA
2	Sử dụng (Application)		Outdoor	Outdoor	Indoor	Indoor	Outdoor
3	Loại cách điện (Insulator type)		Polymer	Polymer	Epoxy	Epoxy	Polymer
4	Điện áp định mức (Rated voltage)	kV	24	38,5	24	38,5	24
5	Tần số định mức (Rated frequency)	Hz	50	50	50	50	50
6	Khả năng chịu đựng xung sét (1,2/50μs) (Rate impulse withstand voltage - 1.2/50μs)	kV BIL	150	200	125	170	125
7	Điện áp chịu đựng ở tần số công nghiệp (Rated frequency withstand voltage)						
	- Ở trạng thái khô, trong 1 phút (Dry, within 1 min)	kV	85	110	75	105	50
	- Ở trạng thái ướt, trong 10 giây (Wet, within 10 sec)	kV	65	85	-	-	50
8	Điện áp đánh thủng (Puncture Voltage)	kV	160	200	160	200	160
9	Khoảng cách rò điện (Leakage distance)	mm	750/840	1200	480	535	610
10	Lực phá hủy cơ học khi chịu uốn (Bending Failing load)	kN	13	13	1,6	1,6	13

(-): Không áp dụng cho sản phẩm này (Not applicable for this product).